

DANH MỤC
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ,
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ KHÔNG ĐỒNG
VÀ PHÍ, LỆ PHÍ ĐƯỢC GIẢM THEO CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH QUẢNG NGÃI ĐÃ BAN HÀNH
(Kèm theo Công văn số /VP-TTHC ngày tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên DVCTT	MÃ SỐ TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Vị trí thửa đất/ đất hoặc tài sản; đất và tài sản	MỨC THU PHÍ (đồng)		MỨC THU LỆ PHÍ (đồng)		Áp dụng theo Nghị quyết HĐND tỉnh
					Phí khi nộp hồ sơ trực tiếp	Phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	Lệ phí khi nộp hồ sơ trực tiếp	Lệ phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH								
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA TỔ CHỨC								
1	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	1.012766.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
2	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	1.012793.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	1.012781.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	

4	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.012783.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Tài sản	767.000	0	50.000	0	
				Đất và tài sản	988.000	0	50.000	0	
5	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.012784.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	1.012786.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
				Tài sản	767.000	0	50.000	0	
				Đất và tài sản	988.000	0	50.000	0	
7	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	1.012790.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
8	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012791.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	

9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	1.012785.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	1.012787.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
				Tài sản	767.000	0	50.000	0	
				Đất và tài sản	988.000	0	50.000	0	
11	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.013831.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
				Tài sản	767.000	0	50.000	0	
				Đất và tài sản	988.000	0	50.000	0	

12	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	1.013833.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Tài sản	767.000	0	50.000	0	
				Đất và tài sản	988.000	0	50.000	0	
13	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	1.013977.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
				Tài sản	767.000	0	50.000	0	
				Đất và tài sản	988.000	0	50.000	0	
14	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên	1.013980.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	

hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài			Tài sản	767.000	0	50.000	0	
			Đất và tài sản	988.000	0	50.000	0	

15	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	1.013988.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
16	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1.013992.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
17	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	1.013994.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
18	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	1.013995.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	767.000	0	50.000	0	
				Tài sản	767.000	0	50.000	0	
				Đất và tài sản	988.000	0	50.000	0	
II	TTHC CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THỰC HIỆN (Hộ gia đình, cá nhân)								
1	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	1.012793.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	

2	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đổi với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	1.012781.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đổi với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1.012782.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.012783.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				TS tại phường	130.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại phường	180.000	0	40.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	100.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại xã, đặc khu	130.000	0	40.000	0	

5	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.012784.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	1.012786.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				TS tại phường	130.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại phường	180.000	0	40.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	100.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại xã, đặc khu	130.000	0	40.000	0	
7	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	1.012790.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	

8	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1.012791.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				TS tại phường	100.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại phường	180.000	0	40.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	100.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại xã, đặc khu	130.000	0	40.000	0	
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	1.012785.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	1.012787.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	

11	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.013831.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				TS tại phường	130.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại phường	180.000	0	40.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	100.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại xã, đặc khu	130.000	0	40.000	0	
12	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	1.013833.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				TS tại phường	130.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại phường	180.000	0	40.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	100.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại	130.000	0	40.000	0	

				xã, đặc khu					
13	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	1.013977.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				TS tại phường	130.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại phường	180.000	0	40.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	100.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại xã, đặc khu	130.000	0	40.000	0	
14	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản	1.013980.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				TS tại phường	130.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại phường	180.000	0	40.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	100.000	0	40.000	0	

	công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài			Đất và TS tại xã, đặc khu	130.000	0	40.000	0	
15	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	1.013988.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
16	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1.013992.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	

17	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	1.013993.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
18	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	1.013995.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				TS tại phường	130.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại phường	180.000	0	40.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	100.000	0	40.000	0	
				Đất và TS tại xã, đặc khu	130.000	0	40.000	0	
19	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	1.013947.H48	1116/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	Đất tại phường	130.000	0	20.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	100.000	0	20.000	0	

B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ								
1	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1.012753.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất	780.000	0	100.000	0	Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025
				Tài sản	780.000	0	500.000	0	
				Đất và tài sản	1.015.000	0	500.000	0	
2	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1.013978.H48	980/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	Đất tại phường	162.000	0	30.000	0	
				TS tại phường	162.000	0	75.000	0	
				Đất và TS tại phường	200.000	0	100.000	0	
				Đất tại xã, đặc khu	130.000	0	20.000	0	
				TS tại xã, đặc khu	130.000	0	60.000	0	
				Đất và TS tại xã, đặc khu	160.000	0	75.000	0	